

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Nghi Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022;

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021; UBND thị xã trình HĐND thị xã phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2021 với những nội dung sau:

I. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách thị xã, nguồn thu tiền đất tái định cư và nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2021 là: 323 tỷ đồng, trong đó:

1. Nguồn đầu giá quyền sử dụng đất: 312,15 tỷ đồng;
2. Nguồn thu tiền đất tái định cư: 3,85 tỷ đồng;
5. Nguồn sự nghiệp kinh tế của thị xã: 7 tỷ đồng;

II. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2021 phù hợp với khả năng nguồn vốn đầu tư. Tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng có ảnh hưởng lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

2. Bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành quyết toán.

3. Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, quy mô đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn.

4. Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2021 thực sự cần thiết và đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

5. Xây dựng và phân bổ vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án đã được phê chuẩn theo hướng lồng ghép, sử dụng nguồn vốn được giao để thực hiện các mục tiêu chung của các chương trình, bảo đảm sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả.

III. Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công.

1. Tổng vốn phân bổ cho các dự án: 308 tỷ đồng.

1.1. Các dự án do thị xã làm chủ đầu tư: 182,571 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án hoàn thành đã quyết toán: 20,261 tỷ đồng;
- Dự án hoàn thành chưa quyết toán là: 13,85 tỷ đồng;
- Dự án chuyển tiếp sang năm 2021 thực hiện là: 30,35 tỷ đồng;
- Dự án đầu tư mới năm 2021 là: 116,71 tỷ đồng;
- Dự án chuẩn bị đầu tư là: 1,4 tỷ đồng.

1.2. Dự án xã, phường làm chủ đầu tư: 81,474 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án hoàn thành đã quyết toán: 7,903 tỷ đồng;
- Dự án hoàn thành chưa quyết toán là: 6,981 tỷ đồng;
- Dự án chuyển tiếp sang năm 2021 thực hiện là: 7,13 tỷ đồng;
- Dự án đầu tư mới năm 2021 là: 59,46 tỷ đồng;

1.3. Các dự án chương trình, mục tiêu của thị xã: 43,955 tỷ đồng.

2. Dự phòng đầu tư: 15 tỷ đồng

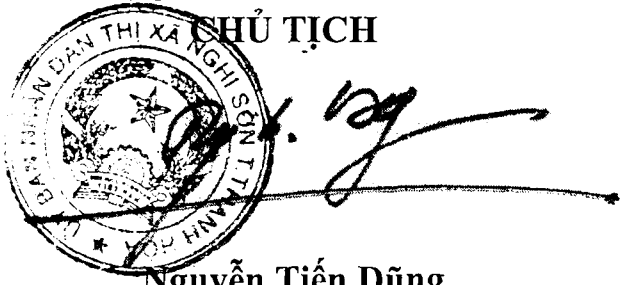
(Phân bổ kế hoạch vốn chi tiết cho từng công trình có phụ lục kèm theo).

UBND thị xã trình HĐND thị xã xem xét, phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2021 để có cơ sở triển khai thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề b/c);
- Thường trực HU, HĐND thị xã (đề b/c);
- Các Ủy viên UBND thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG THỊ XÃ NGHI SƠN NĂM 2021

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
*	TỔNG NGUỒN															323.000	316.000	7.000	
1	Nguồn đầu giá thu tiền sử dụng đất điều tiết NS thị xã															312.150	312.150		
2	Nguồn thu tiền tái định cư															3.850	3.850		
3	Nguồn Sự nghiệp kinh tế															7.000		7.000	
A	TỔNG PHÂN BỐ				991.190	640.369	111.568	434.427	221.197	40.644	315.302	152.178	4.611	574.688	407.407	102.371	308.000	301.000	7.000
I	THỊ XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				679.261	450.945	1.255	331.005	169.356	1.255	272.415	123.677	0	314.931	250.036	1.255	182.571	175.571	7.000
II	Dự án đã quyết toán				210.710	96.906	0	193.684	85.777	0	165.291	65.613	0	20.262	20.261	0	20.261	20.261	0
a	Lĩnh vực giáo dục				80.799	11.581	0	74.306	10.156	0	72.043	8.325	0	1.929	1.928	0	1.928	1.928	0
1	Nhà lớp học 6 phòng - Trường Mầm non xã Hải Ninh	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	4/2018	12/2019	6.320	1.520		6.116	1.316		5.500	700		616	616		616	616	
2	Nhà lớp học 6 phòng - Trường Mầm non xã Hải Hòa	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	02/2018	8/2018	6.491	1.691		5.974	1.174		5.674	874		300	300		300	300	
3	Nhà lớp học 6 phòng - Trường Mầm non xã Hải Thượng	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	4/2018	11/2018	6.083	1.283		6.021	1.221		5.651	851		370	370		370	370	
4	Trường THCS Hải An, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Nhà bộ môn và các phòng học chức năng	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	8/2018	3/2019	4.596	4.596		4.325	4.325		4.000	4000		325	325		325	325	
5	Nhà lớp học 2 tầng Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2020	2.491	2.491		2.121	2.121		1.900	1.900		221	221		221	221	
6	Thanh toán công nợ xây dựng Trường THPT Tĩnh Gia III, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2011	2013	54.818			49.750			49.318	0		97	97		97	97	
b	Lĩnh vực môi trường				1.184	1.184	0	1.685	1.685	0	1.600	1.600	0	85	85	0	85	85	0
1	Kè lát bờ kênh tiêu sông Cẩm Lê xử lý môi trường đoạn qua xã Ninh Hải từ Km 1+200 đến Km1+582, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2019	1.184	1.184		1.685	1.685		1.600	1600		85	85		85	85	
c	Lĩnh vực giao thông				72.837	45.201	0	67.764	40.128	0	56.332	30.296	0	9.832	9.832	0	9.832	9.832	0
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi UBND xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2.439	2.229		2.394	2.184		2.210	2000		184	184		184	184	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó		
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Nguồn đất	Nguồn SNKT	
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã				NS xã, phường, khác
2	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường 7 xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia (đoạn từ ngã 3 giao đường bắc nam 3 đến UBND xã Tĩnh Hải).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	1.457	1.457		1.376	1.376		1.170	1170		206	206	206	206		
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ công N5 thôn Văn Nhân, xã Hải Nhân đến thôn Văn Thắng 8, xã Nguyễn Bình, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2019	3.748	3.748		3.669	3.669		2.900	2900		769	769	769	769		
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ ngã ba trung tâm xã Phú Lâm đi dốc Bù Đa, xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	4/2020	7/2020	5.763	5.763		5.199	5.199		4.000	4000		1.199	1.199	1.199	1.199		
5	Sửa chữa tuyến đường liên xã từ xã Ngọc Lĩnh đi xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	3/2020	4/2020	949	949		893	893		800	800		93	93	93	93		
6	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ thôn Lương Bình, xã Tùng Lâm đến đường Nghi Sơn - Bãi Trành, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	3/2020	5/2020	1.178	1.178		1.057	1.057		850	850		207	207	207	207		
7	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp hư hỏng mặt đường đảm bảo ATGT và bổ sung hệ thống báo hiệu đường bộ tuyến đường tỉnh lộ 525.	Hạt giao thông thị xã Nghi Sơn	2020	2020	882	882		860	860		0			860	860	860	860		
8	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi cồn Sung, xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	5.417	1.417		5.314	1.314		2.400	0		1.314	1.314	1.314	1.314		
9	Đường vào các cơ quan UBND huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) (phần XD). Ghi kê hoạch hoàn ứng kho bạc.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2013	51.004	27.578		47.002	23.576		42.002	18.576		5.000	5.000	5.000	5.000		
d	Lĩnh vực thủy lợi đã QT				17.027	7.027	0	15.149	5.225	0	12.421	2.497	0	2.728	2.728	0	2.728	2.728	0
1	Khắc phục khẩn cấp sự cố hang mục tràn xả lũ hồ Ông Xã, xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	12.2019	01.2020	1.206	1.206		1.189	1.189		1.000	1000		189	189	189	189		
2	Nâng cấp công và kênh tiêu nước dưới đê cầu Hung tại K0+928 xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA kiêm nhiệm	2012	2012	880	880		774	774		749	749		25	25	25	25		
3	Tu bổ, nâng cấp đê hao Hao, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	Ban Quản lý dự án hồ Hao Hao	02.2012	03.2020	14.941	4.941		13.186	3.262		10.672	748		2.514	2.514	2.514	2.514		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức): giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
e	Chương trình dự án khác				38.863	31.913	0	34.781	28.584	0	22.895	22.895	0	5.689	5.689	0	5.689	5.689	0
1	Hệ thống chiếu sáng đường liên xã Thị trấn Tĩnh Gia đi xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2.292	2.292		2.108	2.108		1.800	1.800		308	308		308	308	
2	Hệ thống đường điện 0,4kv chiếu sáng tuyến đường C-C3, đường phân cách và máy biến áp 10kv-(22)35/0,4kv, tủ hạ thế hợp bộ 500v-150A, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA kiêm nhiệm	9.2015	11.2015	3.790	3.790		3.316	3.316		3.016	3.016		300	300		300	300	
3	Sửa chữa Trung tâm hội nghị huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA kiêm nhiệm (VPHĐND&UBND huyện)	10.2014	4.2015	5.364	5.364		3.842	3.842		2.542	2.542		1.300	1.300		1.300	1.300	
4	Nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ đồn Công an Nghi Sơn	Công an huyện	2016	2017	13.900	6.950		12.394	6.197		5.000	5.000		1.197	1.197		1.197	1.197	
5	Xây dựng cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Huyện đội	2019	2019	2.867	2.867		2.786	2.786		2.000	2.000		786	786		786	786	
6	Quảng trường - công viên huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	10.650	10.650		10.335	10.335		8.537	8.537		1.798	1.798		1.798	1.798	
I2	Dự án hoàn thành chưa quyết toán				68.685	63.128	0	67.513	61.956	0	49.250	44.250	0	17.706	17.706	0	13.850	13.850	0
a	Lĩnh vực giáo dục				13.039	13.039	0	12.802	12.802	0	10.800	10.800	0	2.002	2.002	0	1.550	1.550	0
1	Xây dựng 04 phòng học mới và cải tạo sửa chữa phòng học cũ xuống cấp Trường Tiểu học xã Hải Hà.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2.062	2.062		2.062	2.062		1.800	1800		262	262		200	200	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tĩnh Gia 5 (cũ) thành trường Tiểu học và Trung học cơ sở chất lượng cao Lương Chí	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2020	10.977	10.977		10.740	10.740		9.000	9.000		1.740	1.740		1.350	1.350	
b	Lĩnh vực môi trường				2.657	2.657	0	2.525	2.525	0	2.000	2.000	0	525	525	0	420	420	0
1	Nạo vét kiên cố hóa tuyến kênh tiêu sông Cẩm Lệ đoạn từ QL1A đến hết nghĩa trang Cồn Phôm, xã Hải Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2.657	2.657		2.525	2.525		2.000	2.000		525	525		420	420	
c	Lĩnh vực giao thông				3.074	3.074	0	2.803	2.803	0	2.000	2.000	0	803	803	0	650	650	0
1	Tuyến đường GTNT từ Ban quản lý hồ Hao Hao đến đường cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn thôn 8, xã Định Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	3.074	3.074		2.803	2.803		2.000	2000		803	803		650	650	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
d	Lĩnh vực thủy lợi																		
e	Chương trình dự án khác				49.915	44.358	0	49.383	43.826	0	34.450	29.450	0	14.376	14.376	0	11.230	11.230	0
1	Nhà làm việc và phòng họp UBND huyện	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	5.280	5.280		5.280	5.280		4.000	4000		1.280	1.280		1.000	1.000	
2	Quảng trường - công viên huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	18.615	18.615		18.378	18.378		17.000	17.000		1.378	1.378		1.000	1.000	
3	Nâng cấp hệ thống thu phát sóng và cơ sở vật chất Đài truyền thanh truyền hình Tĩnh Gia (nay là Trung tâm văn hóa - thông tin- thể thao và du lịch thị xã Nghi Sơn)	Ban QLDA kiêm nhiệm (TT VH-TT-TT&DL thị xã Nghi Sơn)	2020	2020	1.700	1.700		1.690	1.690		1.200	1.200		490	490		400	400	
4	Sửa chữa công, tường rào các cơ quan Huyện ủy, UBND, Khối đoàn thể; nhà làm việc các hội huyện Tĩnh Gia và sửa chữa đài phun nước trong khuôn viên cơ quan Huyện ủy	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2.682	2.682		2.682	2.682		1.500	1500		1.182	1.182		950	950	
5	Sửa chữa, thay thế hệ thống đèn công chào phía bắc, phía Nam và hệ thống đèn LED dọc tuyến đường vào cơ quan huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	4.295	4.295		4.295	4.295		1.000	1000		3.295	3.295		2.500	2.500	
6	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm hội nghị huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	4.740	4.740		4.503	4.503		3.500	3.500		1.003	1.003		800	800	
7	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc UBND huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	8.269	3.269		8.269	3.269		5.000			3.269	3.269		2.500	2.500	
8	Xây mới nhà dịch vụ và sửa chữa nhà làm việc Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2.229	2.229		2.229	2.229		1.100	1.100	0	1.129	1.129		1.000	1.000	
9	Cải tạo khuôn viên phía sau và bổ sung thiết bị nhà hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Nghi Sơn	T.Tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Nghi Sơn	2020	2020	998	998		950	950		0			950	950		760	760	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
10	Xây dựng tường rào bảo vệ khu đất mở rộng tại Đồn Công an Nghi Sơn - Công An huyện Tĩnh Gia (huyện hỗ trợ 50%)	Công an huyện	2020	2020	1.107	550	0	1.107	550	0	150	150	0	400	400	0	320	320	0
13	Dự án chuyển tiếp				154.936	78.781	1.255	69.808	21.624	1.255	57.874	13.814	0	76.334	44.239	1.255	30.350	30.350	0
a	Lĩnh vực giáo dục				28.319	8.419	0	13.930	0	0	13.930	0	0	14.389	8.419	0	5.700	5.700	0
1	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2.020	2.021	6.085	1.685	0	3.080	0	0	3.080	0	0	3.005	1.685	0	1.150	1.150	0
2	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2.020	2.021	5.459	1.609	0	2.695	0	0	2.695	0	0	2.764	1.609	0	1.100	1.100	0
3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2.020	2.021	6.498	1.948	0	3.185	0	0	3.185	0	0	3.313	1.948	0	1.350	1.350	0
4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Khu A và nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Khu B Trường Tiểu học xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2.020	2.021	5.337	1.637	0	2.590	0	0	2.590	0	0	2.747	1.637	0	1.100	1.100	0
5	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2.020	2.021	4.940	1.540	0	2.380	0	0	2.380	0	0	2.560	1.540	0	1.000	1.000	0
b	Lĩnh vực môi trường																		
c	Lĩnh vực giao thông				69.942	23.688	1.255	39.182	12.928	1.255	35.150	10.150	0	34.792	13.538	1.255	8.650	8.650	0
1	Mở rộng tuyến đường C-C3, Khu du lịch Hải hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	65.760	20.760	0	35.000	10.000	0	33.150	8.150	0	32.610	12.610	0	8.000	8.000	0
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào bệnh viện đa khoa Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	4.182	2.928	1.255	4.182	2.928	1.255	2.000	2.000	0	2.182	928	1.255	650	650	0
d	Lĩnh vực thủy lợi				12.259	2.259	0	10.000	2.000	0	5.130	0	0	6.430	1.560	0	1.000	1.000	0
1	Đầu tư trạm bơm tiêu úng cho sản xuất 02 vụ xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	12.259	2.259	0	10.000	2.000	0	5.130	0	0	6.430	1.560	0	1.000	1.000	0

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
e	Chương trình dự án khác				44.415	44.415	0	6.696	6.696	0	3.664	3.664	0	20.722	20.722	0	15.000	15.000	0
1	Tu bổ tôn tạo và mở rộng khu di tích lịch sử cách mạng, nơi thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	1.870	1.870		561	561		0			1.870	1.870		1.500	1.500	
2	Nâng cấp, sửa chữa khu tái định cư và khu dân cư Trúc Lâm (giai đoạn 1, huyện Tĩnh Gia)nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	14.545	14.545		535	535		0			13.852	13.852		8.500	8.500	
3	Đường hầm SCH thống nhất thời chiến huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Huyện Đội	2017		28.000	28.000		5.600	5.600		3.664	3.664		5.000	5.000		5.000	5.000	
14	Dự án đầu tư mới 2021				199.230	166.430	0	0	0	0	0	0	0	199.230	166.430	0	116.710	109.710	7.000
a	Lĩnh vực giáo dục				82.170	82.170	0	0	0	0	0	0	0	82.170	82.170	0	57.290	57.290	0
1	Nhà hành chính quản trị 3 tầng Trường Tiểu học Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	8.600	8.600		0			0			8.600	8.600		6.000	6.000	
2	Nhà lớp học 3 tầng 24 phòng Trường Tiểu học Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	12.100	12.100								12.100	12.100		8.500	8.500	
3	Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng Trường THCS Hải Bình, thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	9.500	9.500								9.500	9.500		6.500	6.500	
4	Nhà hành chính quản trị 3 tầng Trường THCS Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	8.600	8.600								8.600	8.600		6.000	6.000	
5	Trường Mầm non Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, hạng mục: Nhà hành chính quản trị 2 tầng, nhà bếp.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	4.000	4.000								4.000	4.000		2.800	2.800	
6	Trường THCS Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, hạng mục: Xây mới nhà lớp học và thư viện, cải tạo nhà lớp học cũ.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	4.500	4.500								4.500	4.500		3.150	3.150	
7	Trường Trung học phổ thông Tĩnh Gia I, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh hóa, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	6.820	6.820		0			0			6.820	6.820		4.700	4.700	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
8	Nhà hiệu bộ, Nhà bếp ăn, Nhà bảo vệ và các công trình phụ trợ Trường Mầm non phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	4.250	4.250		0			0			4.250	4.250		3.000	3.000	
9	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	4.500	4.500					0			4.500	4.500		3.150	3.150	
10	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	5.800	5.800					0			5.800	5.800		4.040	4.040	
11	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hùng Sơn xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	7.000	7.000		0			0			7.000	7.000		4.900	4.900	
12	Xây mới nhà hiệu bộ 2T6P và sửa chữa một số hạng mục trường Tiểu học Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	6.500	6.500								6.500	6.500	0	4.550	4.550	
b	Lĩnh vực văn hóa				5.250	3.250	0	0	0	0	0	0	0	5.250	3.250	0	2.260	2.260	0
1	Trùng tu, tôn tạo mộ tổ Hoàng quốc công Đào Duy Từ	Ban QLDA chùa Am Các	2021	2021	950	950		0			0			950	950		660	660	
2	Dự án khảo cổ chùa Am các, xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA chùa Am Các	2021	2022	4.300	2.300		0			0			4.300	2.300		1.600	1.600	
c	Lĩnh vực môi trường				4.900	4.900	0	0	0	0	0	0	0	4.900	4.900	0	3.410	3.410	0
1	Nạo vét, kiên cố hoá tuyến kênh tiêu sông Cẩm Lệ (đoạn từ nghĩa trang Côn Phồn đến cầu Làng Am), xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	2.800	2.800		0			0			2.800	2.800		1.960	1.960	
2	Hệ thống thoát nước khu tái định cư Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	2.100	2.100		0			0			2.100	2.100		1.450	1.450	
d	Lĩnh vực giao thông				33.600	33.600	0	0	0	0	0	0	0	33.600	33.600	0	23.000	23.000	0
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Quốc lộ 1 A đi chùa Am Các, kết nối đường Nghi Sơn- sân bay Sao vàng, đoạn tuyến: Từ Công sở xã Định Hải đến nhà Ban quản lý hồ Hao Hao.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	5.800	5.800								5.800	5.800		4.000	4.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
2	Dự án cải tạo, sửa chữa tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 1A qua UBND xã Tùng Lâm đến đường Nghi Sơn-Bãi Trành (địa phận thôn Thê Vinh).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	4.400	4.400							4.400	4.400		3.100	3.100		
3	Dự án nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Xuân Lâm đi Phú Lâm (đoạn tuyến: Từ ngã ba nhà ông Văn Ngãi thôn Phú Thịnh đến ngã ba nhà ông Hồng Ca thôn Thịnh Hùng, xã Phú Lâm) và đường trục chính vào UBND xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	3.900	3.900							3.900	3.900		2.700	2.700		
4	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Trung Sơn, Đông Sơn, Tây Sơn, và Bắc Sơn, xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	3.900	3.900							3.900	3.900		2.700	2.700		
5	Cầu Trại xã Ngọc Linh, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	7.400	7.400							7.400	7.400		5.000	5.000		
6	Các tuyến đường từ thôn Song đi trung tâm xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2022	8.200	8.200							8.200	8.200		5.500	5.500		
e	Thủy lợi																		
f	Chương trình dự án khác				73.310	42.510	0	0	0	0	0	0	73.310	42.510	0	30.750	23.750	7.000	
1	Di chuyển đường điện trung, hạ áp và TBA số 3 phường Hải Hòa để giải tỏa vỉa hè đường Lê Thê Sơn, phường Hải Hòa đoạn trước công trường Tiểu học và THCS chất lượng cao Lương Chí, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	1.330	1.330							1.330	1.330		930	930		
2	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến Quốc lộ 1A từ phường Ninh Hải đến phường Hải Ninh và từ phường Hải Ninh đến cầu ghép, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	61.600	30.800	0						61.600	30.800		21.000	14.000	7.000	
3	Lắp đặt cầu thang máy tại nhà làm việc 4 tầng cơ quan UBND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	2.430	2.430							2.430	2.430		1.700	1.700		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng (thực hiện đến thời điểm báo cáo)			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
4	Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc và mua sắm trang thiết bị làm việc cho Thường trực Thị ủy và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy - Trưởng các ban xây dựng đảng của cơ quan Thị ủy.	Thị ủy Nghi Sơn	2021	2021	950	950							950	950		660	660		
5	Xây dựng nhà tiếp công dân và sửa chữa, cải tạo khuôn viên Công an thị xã Nghi Sơn (NS thị xã hỗ trợ).	Công an thị xã	2021	2021	1.800	1.800							1.800	1.800		1.260	1.260		
6	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc 5 tầng Công an huyện Tĩnh Gia (nay là Công an thị xã Nghi Sơn)	Công an thị xã	2021		5.000	5.000							5.000	5.000		5.000	5.000		
7	Hỗ trợ kinh phí duy tu sửa chữa các công trình Quân sự thị xã Nghi Sơn.	Ban Chỉ huy quân sự	2021	2021	200	200							200	200		200	200		
15	Dự án chuẩn bị đầu tư				45.700	45.700	0	0	0	0	0	0	1.400	1.400	0	1.400	1.400	0	
4	Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Điện năng lượng mặt trời tại xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2022	44.500	44.500							200	200		200	200		
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới kết hợp tái định cư tại phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	300	300							300	300		300	300		
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng Nghĩa trang nhân dân tại phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	400	400							400	400		400	400		
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng Nghĩa trang Thọ Cửu, phường Tân Dân, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	500	500							500	500		500	500		
II	CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				259.529	141.239	106.098	95.722	48.286	35.244	40.482	28.301	2.406	212.202	111.756	99.177	81.474	81.474	0
III	Dự án đã quyết toán				37.521	19.063	6.413	34.133	17.474	4.614	22.593	9.571	1.747	11.295	7.903	2.122	7.903	7.903	0
a	Lĩnh vực giáo dục				13.883	7.925	2.556	12.232	7.448	1.382	7.122	3.650	70	5.118	3.798	1.320	3.798	3.798	0
1	Trưởng mầm non xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 7 phòng và các hạng mục phụ trợ.	xã Phú Sơn	2016	2017	4.615	448	765	3.890	448	40	3.442	0	40	448	448	0	448	448	
2	Hỗ trợ xây dựng nhà bếp ăn và nhà bảo vệ Trường mầm non xã Định Hải	xã Định Hải	2019	2019	688	500	188	680	500	180	0			688	500	188	500	500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
3	Trường Trung học cơ sở xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn). Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn, nhà bảo vệ.	xã Các Sơn	2012	2012	4.858	4.372	486	4.399	4.200	199	3.680	3.650	30	719	550	169	550	550	
4	Trường Tiểu học và THCS xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn), hạng mục: San lấp mặt bằng và làm đường vào trường.	P. Mai Lâm	2010	2011	3.722	2.605	1.117	3.263	2.300	963	0			3.263	2.300	963	2.300	2.300	
b	Lĩnh vực văn hóa				5.546	2.579	2.014	5.110	2.447	1.710	4.251	2.041	757	859	406	453	406	406	0
1	Đài truyền thanh xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Sơn	2016	2016	417	289	128	402	281	121	362	241	121	40	40		40	40	
2	Nhà văn hóa thôn Trung Sơn, xã Phú Sơn	xã Phú Sơn	2016	2018	1.341	246	142	1.248	246	49	1.002		49	246	246		246	246	
3	Xây dựng sân vận động xã Các Sơn	xã Các Sơn	2019	2019	2.488	1.244	1.244	2.240	1.120	1120	2.187	1.100	587	53	20	33	20	20	
4	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2020	2020	1.300	800	500	1.220	800	420	700	700		520	100	420	100	100	
c	Lĩnh vực môi trường				115	115	0	105	105	0	0	0	0	105	105	0	105	105	0
1	Xây dựng khu hương tang, nghĩa trang xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn	xã Hải Hà	2020	2020	115	115		105	105		0	0		105	105		105	105	
d	Lĩnh vực giao thông				4.574	1.899	1.085	4.598	1.835	1.173	3.260	750	920	1.085	1.085	0	1.085	1.085	0
1	Đường giao thông nông thôn, thôn Bắc Sơn xã Triệu Dương (nay là phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn)	P. Hải Ninh	2015	2015	754	58	696	751	55	696	696		696	55	55		55	55	
2	Xây mới đường GT liên thôn Yên Tôn, Xuân Thắng, An cư xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	xã Anh Sơn	2018	2018	2.024	210	224	2.024	210	224	1.814		224	210	210		210	210	
3	Nâng cấp tuyến đường xã: Từ đường Sắt xã Các Sơn	xã Các Sơn	2020	2020	1.143	978	165	1.223	970	253	500	500		470	470		470	470	
4	Nâng cấp đường giao thông và sửa chữa tuyến kênh C3 đi qua trung tâm văn hóa thể thao xã Các Sơn	xã Các Sơn	8/2018	11/2018	653	653		600	600		250	250		350	350		350	350	
e	Lĩnh vực thủy lợi				7.323	4.765	758	6.533	4.384	349	3.930	2.130	0	2.603	2.254	349	2.254	2.254	0
1	Nạo vét kênh dẫn nước liên xã Hải Ninh - Hải An, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	P. Hải Ninh	2013	2013	1.907	977	130	1.734	803	131	800			934	803	131	803	803	
2	Nạo vét kênh dẫn nước Kiềm Sơn xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	xã Các Sơn	2015	2015	2.031	1.773	258	1.790	1.620	170	900	900		890	720	170	720	720	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
3	Kênh tưới nước Đồng Quan, thôn Bãi xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (đất lúa tinh BS)	xã Anh Sơn	2020	2020	2.100	800	300	1.848	800	48	1.300	300	548	500	48	500	500		
4	Xây dựng kênh tưới nước N1 di Cỏ Ngựa thôn Hồng Quang, xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Định Hải	2020	2020	950	880	70	843	843		760	760	83	83		83	83		
5	Khắc phục khẩn cấp tu sửa khẩn cấp Công đập noi phường Mai Lâm	P. Mai Lâm	2017	2017	335	335	0	318	318		170	170	148	148		148	148		
f	Công sở xã, phường				6.080	1.780	0	5.555	1.255	0	4.030	1.000	0	1.525	255	0	255	255	0
1	Công sở xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia (thị xã Nghi Sơn).	xã Phú Lâm	2018	2019	6.080	1.780		5.555	1.255		4.030	1000	1.525	255		255	255		
II2	Dự án hoàn thành chưa quyết toán				45.935	24.246	21.542	44.415	23.637	20.631	15.089	15.130	659	28.934	8.723	20.212	6.981	6.981	0
a	Lĩnh vực giáo dục				25.441	12.476	12.965	24.551	12.146	12.405	9.049	8.420	629	15.722	3.876	11.846	3.130	3.130	0
1	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (NS huyện hỗ trợ 50%)	P. Hải Ninh	2020	2020	3.150	1.600	1.550	3.150	1.600	1.550	1.500	1500	1.650	100	1.550	80	80		
2	Trường Mầm Non xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	xã Các Sơn	2018	2019	5.640	2.820	2.820	5.510	2.820	2.690	2.020	2.020	3.490	800	2.690	650	650		
3	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường tiểu học Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	xã Anh Sơn	2019	2019	4.651	3.256	1.395	4.581	3.256	1.325	2.829	2.200	1.822	1.056	766	850	850		
4	Trường tiểu học xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, Nhà chức năng kết hợp các phòng học 02 tầng 10 phòng	xã Thanh Sơn	2020	2020	6.000	3.000	3.000	5.700	2.850	2.850	1.700	1.700	4.150	1.300	2.850	1.050	1.050		
5	Trường Mầm non xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	xã Thanh Thủy	2020	2020	6.000	1.800	4.200	5.610	1.620	3.990	1.000	1.000	4.610	620	3.990	500	500		
b	Lĩnh vực văn hóa				1.100	550	550	1.100	550	550	300	300	0	800	250	550	200	200	0
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hồng Qang, xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2020	2020	1.100	550	550	1.100	550	550	300	300	800	250	550	200	200		
c	Lĩnh vực giao thông				11.944	6.670	5.127	11.314	6.391	4.776	3.550	4.220	30	7.152	2.237	4.916	1.791	1.791	0
1	Cầu dân sinh tránh lũ cho 03 thôn: Đông Sơn, Bắc Sơn, Bình Sơn, xã Phú Sơn	xã Phú Sơn	2017	2017	2.037	1.426	611	1.941	1.360	581	1.270	1.270	0	736	156	581	131	131	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
2	Đường giao thông nông thôn xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, đoạn tuyến: Từ giáp Quốc lộ 1A đến nghĩa trang ven biển Hải Ninh	xã Hải Ninh	2020	2020	1.640	820	820	1.640	820	820	600	600		1.040	220	820	180	180	
3	Nâng cấp đường giao thông liên xã, xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (50/50)	xã Anh Sơn	2020	2020	1.300	650	503	1.125	591	387	480	450	30	498	141	357	100	100	
4	Cầu qua khe Hao Hao thôn Kiều xã Anh Sơn	xã Anh Sơn	2020	2020	1.167	974	193	1.128	970	158	500	500		628	470	158	380	380	
5	Cầu bần khe Minh Châu, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	2020	2020	2.600	1.300	1.300	2.600	1.300	1.300	700	700		1.900	600	1.300	480	480	
6	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Trường Lâm đi Tân Trường, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (huyện hỗ trợ 50% XL)	xã Trường Lâm	2020	2020	3.200	1.500	1.700	2.880	1.350	1.530		700		2.350	650	1.700	520	520	
d	Lĩnh vực thủy lợi				7.450	4.550	2.900	7.450	4.550	2.900	2.190	2.190	0	5.260	2.360	2.900	1.860	1.860	0
1	Tuyến mương bê tông thôn Đại Thủy (đoạn từ hồ Khe Lây đến đường thôn Đại Thủy đi thôn hữu lộc), xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia (đất trồng lúa tính BS)	xã Trúc Lâm	2020	2020	3.500	1.400	2.100	3.500	1.400	2.100	788	788		2.712	612	2.100	500	500	
2	Xây dựng cống tiêu Đập Gỗ xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	xã Thanh Sơn	2020	2020	650	450	200	650	450	200	300	300		350	150	200	120	120	
3	Xây dựng kênh tưới xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	2020	2020	1.100	700	400	1.100	700	400	400	400		700	300	400	240	240	
4	Kênh tưới tiếp nước từ hồ Khe Dê xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Phú Lâm	2020	2020	2.200	2.000	200	2.200	2.000	200	702	702		1.498	1.298	200	1.000	1.000	
e	Công sở xã, phường																		
II3	Dự án chuyển tiếp				27.231	12.800	14.431	17.175	7.175	10.000	2.800	3.600	0	23.731	10.000	13.731	7.130	7.130	0
a	Lĩnh vực giáo dục				20.231	7.900	12.331	14.725	5.460	9.265	2.800	3.600	0	16.731	5.100	11.631	3.730	3.730	0
1	Trường mầm non xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2T-10P và các hạng mục phụ trợ.	xã Hải Châu	2020	2020	8.300	4.000	4.300	5.810	2.800	3.010	1.800	1.800		6.500	2.200	4.300	1.700	1.700	
2	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Xuân Lâm	2020	2020	5.341	1.800	3.541	3.739	1.260	2.479	1.000	1.000		4.341	800	3.541	560	560	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
3	Trường mầm non xã Trúc Lâm, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	xã Trúc Lâm	2020	2020	4.700	1.400	3.300	4.700	1.400	3.300		800		3.900	600	3.300	420	420	
4	Trường mầm non Ngọc Lĩnh (Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng)	xã Ngọc Lĩnh	2017	2018	1.890	700	1.190	476		476	0			1.990	1.500	490	1.050	1.050	
b	Công sở xã, phường				7.000	4.900	2.100	2.450	1.715	735	0	0	0	7.000	4.900	2.100	3.400	3.400	0
1	Xây dựng công sở xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Định Hải	2020	2021	7.000	4.900	2.100	2.450	1.715	735	0	0	0	7.000	4.900	2.100	3.400	3.400	
II4	Dự án đầu tư mới				148.842	85.130	63.712	0	0	0	0	0	0	148.242	85.130	63.112	59.460	59.460	0
a	Lĩnh vực giáo dục				58.330	33.410	24.920	0	0	0	0	0	0	58.330	33.410	24.920	23.280	23.280	0
1	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và xây mới khu vệ sinh học sinh Trường THCS xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Trường Lâm	2021	2021	1.800	1.250	550							1.800	1.250	550	850	850	
2	Nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Tùng Lâm	2021	2021	1.900	1.500	400							1.900	1.500	400	1.050	1.050	
3	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục Trường THCS Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Tùng Lâm	2021	2021	2.500	1.750	750							2.500	1.750	750	1.230	1.230	
4	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Lâm	2021	2021	1.900	1.300	600							1.900	1.300	600	900	900	
5	Nhà bếp ăn và khuôn viên trường mầm non khu A xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Các Sơn	2021	2021	2.300	1.600	700							2.300	1.600	700	1.150	1.150	
6	Xây mới nhà hiệu bộ Trường THCS Anh Sơn, xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Anh Sơn	2021	2021	3.200	2.200	1.000							3.200	2.200	1.000	1.550	1.550	
7	Nhà hiệu bộ Trường mầm non phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Châu	2021	2021	2.620	1.310	1.310							2.620	1.310	1.310	910	910	
8	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Thanh Sơn	2021	2021	7.500	3.750	3.750							7.500	3.750	3.750	2.600	2.600	
9	Sửa chữa nhà lớp học 6 phòng Trường Mầm non xã Thanh sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Thanh Sơn	2021	2021	1.200	600	600							1.200	600	600	420	420	
10	Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường tiểu học Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Ninh	2021	2021	6.500	3.250	3.250							6.500	3.250	3.250	2.250	2.250	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
11	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và khuôn viên trường Tiểu học Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Nghi Sơn	2021	2021	1.200	1.200	0						1.200	1.200	0	840	840		
12	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và sửa chữa, cải tạo một số hạng mục trường THCS xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2021	2021	5.680	4.000	1.680						5.680	4.000	1.680	2.800	2.800		
13	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non phường Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Lĩnh	2021	2021	5.080	1.500	3.580						5.080	1.500	3.580	1.000	1.000		
14	Các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Phú Sơn	2021	2021	1.250	850	400						1.250	850	400	600	600		
15	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình Trường THCS xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Sơn	2021	2021	1.300	900	400						1.300	900	400	630	630		
16	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn.	P. Ninh Hải	2021	2021	6.900	2.000	4.900						6.900	2.000	4.900	1.400	1.400		
17	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và 3 phòng chức năng Trường Tiểu học Hải Ninh	P. Hải Ninh	2021	2021	1.500	950	550						1.500	950	550	650	650		
18	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS và xây mới nhà vệ sinh Trường Tiểu học Hải Lĩnh	P. Hải Lĩnh	2021	2021	1.200	900	300						1.200	900	300	630	630		
19	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Tĩnh Hải	P. Tĩnh Hải	2021	2021	1.000	800	200						1.000	800	200	560	560		
20	Sửa chữa nhà lớp học 1 tầng 6 phòng Trường Mầm non Tĩnh Hải	P. Tĩnh Hải	2021	2021	800	800							800	800	0	560	560		
21	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà ăn Trường mầm non Nghi Sơn	xã Nghi Sơn	2021	2021	500	500							500	500	0	350	350		
22	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Nghi Sơn	xã Nghi Sơn	2021	2021	500	500							500	500	0	350	350		
b	Lĩnh vực văn hóa				9.582	4.380	5.202	0	0	0	0	0	9.582	4.380	5.202	3.070	3.070	0	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Làng Bài xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Anh Sơn	2021	2021	1.530	1.050	480						1.530	1.050	480	730	730		
2	Sân vận động thể thao phường Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Lĩnh	2021	2021	6.000	1.800	4.200						6.000	1.800	4.200	1.260	1.260		
3	Sân vận động thể thao phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn	P. Tĩnh Hải	2021	2021	1.390	980	410						1.390	980	410	690	690		
4	Hệ thống loa truyền thanh thôn Tây Sơn, thôn Bắc Sơn, thôn Bình Sơn xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Phú Sơn	2021	2021	362	300	62						362	300	62	210	210		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
5	Nâng cấp, tu sửa hệ thống Đài truyền thanh xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Các Sơn	2021	2021	300	250	50							300	250	50	180	180	
c	Lĩnh vực môi trường				6.600	4.550	2.050	0	0	0	0	0	0	6.600	4.550	2.050	3.150	3.150	0
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải xử lý môi trường tại phường Hải Thanh (chiều dài 2,5km)	P. Hải Thanh	2021	2021	3.800	2.600	1.200	0			0			3.800	2.600	1.200	1.800	1.800	
2	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước, chỉnh trang đô thị tại phường Hải Ninh (1,5 km)	P. Hải Ninh	2021	2021	2.800	1.950	850	0			0			2.800	1.950	850	1.350	1.350	
d	Lĩnh vực giao thông				39.450	26.380	13.070	0	0	0	0	0	0	38.850	26.380	12.470	18.460	18.460	0
1	Cầu khe Các, xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Các Sơn	2021	2021	3.200	2.200	1.000							3.200	2.200	1.000	1.550	1.550	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Hồng Phong, thôn Hồng Quang, xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2021	2021	3.000	2.100	900							3.000	2.100	900	1.450	1.450	
3	Dự án nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Hải Nhân đi Định Hải, xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn (2,3km)	xã Hải Nhân	2021	2021	5.000	3.500	1.500							5.000	3.500	1.500	2.450	2.450	
4	Đường giao thông liên xã Ngọc Lĩnh - Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Ngọc Lĩnh	2021	2021	1.300	1.300	0							1.300	1.300	0	900	900	
5	Tuyến đường giao thông nội đồng từ thôn 9 xã Ngọc Lĩnh đi thôn 5 phường Hải An, xã Ngọc Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	xã Ngọc Lĩnh	2021	2021	2.000	1.400	600							2.000	1.400	600	980	980	
6	Nâng cấp đường 2B đoạn từ đường Mỏ Sét đến đường Đông Tây 4, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Trường Lâm	2021	2021	3.900	2.700	1.200							3.900	2.700	1.200	1.900	1.900	
7	Cầu khe ông Hượng, xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Sơn	2021	2021	2.600	1.800	800							2.600	1.800	800	1.260	1.260	
8	Nâng cấp tuyến đường giao thông đoạn từ cổng chào đến hầm chui đường Nghi Sơn - sao Vàng, phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn.	P. Nguyên Bình	2021	2021	6.000	2.000	4.000							6.000	2.000	4.000	1.400	1.400	
9	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Cầu Hung phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn	P. Nguyên Bình	2021	2021	1.000	1.000								1.000	1.000		700	700	
10	Hỗ trợ xây dựng đường giao thông thôn Đông Thăng, phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn.	P. Hải Châu	2021	2021	1.200	600	600							600	600		420	420	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
11	Đường giao thông phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, đoạn từ: Đoạn từ thôn Thanh Cao đi xóm 2 thôn Hồng Phong và tuyến đường giao thông thôn Hưng Sơn, phường Hải Ninh thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	P. Hải Ninh	2021	2021	3.000	2.000	1.000							3.000	2.000	1.000	1.400	1.400	
12	Đường giao thông từ đường liên xã thôn 2 đi đê biển, phường Hải An, thị xã Nghi Sơn	P. Hải An	2021	2021	2.100	1.400	700							2.100	1.400	700	980	980	
13	Các tuyến đường giao thông phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn.	P. Mai Lâm	2021	2021	2.600	2.600								2.600	2600		1.820	1.820	
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ thôn Kiêu, xã Anh Sơn đi xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Anh Sơn	2021	2021	2.550	1.780	770							2.550	1780	770	1.250	1.250	
d	Lĩnh vực thủy lợi				15.200	9.380	5.820	0	0	0	0	0	0	15.200	9.380	5.820	6.590	6.590	0
1	Kênh mương tưới, tiêu nội đồng xã Thanh Thủy, thị xã Nghi Sơn	xã Thanh Thủy	2021	2021	3.700	2.600	1.100							3.700	2.600	1.100	1.820	1.820	
2	Kênh tưới nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Anh Sơn (đồng Côi thôn Kiêu, cồn Nhóm thôn Xuân Thẳng, cồn Chùa thôn Cổ Trinh), thị xã Nghi Sơn	xã Anh Sơn	2021	2021	2.000	1.400	600							2.000	1.400	600	980	980	
3	Nạo vét lòng hồ khe Râm và kênh mương tưới tự đập khe Râm đi nhà văn hóa thôn 8 xã Định Hải	xã Định Hải	2021	2021	1.800	1.250	550							1.800	1.250	550	880	880	
4	Tuyến mương tiêu thoát lũ đoạn từ nhà ông Minh đến nhà bà Bảy thôn Sa Thôn 4, phường Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn	P. Xuân Lâm	2021	2021	3.500	1.750	1.750							3.500	1.750	1.750	1.220	1.220	
5	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa công T1, T2 trên tuyến đê sông Bạng nắn mặn và tiêu thoát lũ tại địa bàn phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn (thị xã hỗ trợ xây lắp)	P. Trúc Lâm	2021	2021	800	680	120							800	680	120	500	500	
6	Kiên cố hóa các tuyến kênh tưới, tiêu thôn Sơn Hạ và thôn Trung Thành, xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Thanh Sơn	2021	2021	3.400	1.700	1.700							3.400	1.700	1.700	1.190	1.190	
e	Công sở xã, phường				19.680	7.030	12.650	0	0	0	0	0	0	19.680	7.030	12.650	4.910	4.910	0
1	Xây dựng mới Công sở và khuôn viên phường Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Lĩnh	2021	2021	7.930	2.380	5.550							7.930	2.380	5.550	1.660	1.660	
2	Xây dựng công sở phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn	P. Trúc Lâm	2021	2021	6.800	1.700	5.100							6.800	1.700	5.100	1.200	1.200	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó		
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Nguồn đất	Nguồn SNKT	
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã				NS xã, phường, khác
3	Các hạng mục phụ trợ Công sở xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Nghi Sơn	2021	2021	4.300	2.300	2.000						4.300	2.300	2.000	1.600	1.600		
4	Xây dựng công, tường rào và sân bê tông UBND xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Lâm	2021	2021	650	650							650	650		450	450		
III	Chi thực hiện các chương trình, dự án khác của thị xã				52.400	48.185	4.215	7.700	3.555	4.145	2.405	200	2.205	47.555	45.615	1.940	43.955	43.955	0
1	Kinh phí quy hoạch, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa	Ban QLDA			1.000	1.000		0					1.000	1.000		1.000	1.000		
2	Hỗ trợ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế các xã theo đề án số 2428/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 (cả trả nợ), trong đó:	UBND xã, phường			7.840	3.625	4.215	7.700	3.555	4.145	2.405	200	2.205	5.295	3.355	1.940	3.355	3.355	0
*	<i>Trả nợ</i>				6.340	2.125	4.215	6.200	2.055	4.145	2.405	200	2.205	3.795	1.855	1.940	1.855	1.855	0
2.1	Cải tạo sửa chữa trạm y tế xã Hải An, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải An, thị xã Nghi Sơn), hỗ trợ 50%.	P. Hải An	2014	2015	820	410	410	730	365	365	565	200	365	165	165		165	165	
2.2	Sửa chữa và xây mới một số hạng mục Trạm y tế xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn). Hỗ trợ 50%.	P. Nguyên Bình	2020	2020	718	359	359	680	340	340	340		340	340	340		340	340	
2.3	Sửa chữa, cải tạo sân, tường rào trạm y tế cơ sở 2 phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn. Hỗ trợ 50%.	P. Hải Hòa	2020	2020	312	156	156	300	150	150	0			300	150	150	150	150	
2.4	Trạm y tế xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), mức hỗ trợ tối đa xây dựng mới theo đề án.	xã Hải Nhân	2019	2020	4.490	1.200	3.290	4.490	1.200	3.290	1.500		1.500	2.990	1.200	1.790	1.200	1.200	
*	<i>Hỗ trợ xã, phường thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2021</i>				1.500	1.500		1.500	1.500		0			1.500	1.500		1.500	1.500	
3	Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa các thôn	UBND xã, phường			5.000	5.000								5.000	5.000		5.000	5.000	
4	Kinh phí bồi thường GPMB các dự án do thị xã quản lý và kinh phí đối ứng các chương trình mục tiêu của TW, tỉnh.				18.500	18.500								18.500	18.500		18.500	18.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán		Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó		
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Nguồn đất	Nguồn SNKT	
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã				NS xã, phường, khác
5	Chi lập quy hoạch và trích do thừa đất				7.560	7.560	0	0	0	0	0	0	5.260	5.260	0	3.600	3.600	0	
-	Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA quy hoạch sử dụng đất			5.300	5.300							3.000	3.000		2.100	2.100		
-	Kinh phí trích đo địa chính thừa đất thuộc tài sản phục vụ công tác quản lý theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP.	UBND xã, phường			2.260	2.260							2.260	2.260		1.500	1.500		
6	Hỗ trợ chi phí quy hoạch cho các xã, phường sau dồn điền, đổi thửa	UBND xã, phường			2.000	2.000							2.000	2.000		2.000	2.000		
7	Kinh phí hỗ trợ các xã, phường xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đô thị	UBND xã, phường			5.000	5.000							5.000	5.000		5.000	5.000		
8	Ủy thác đầu tư cho NHCS cho vay	Ngân hàng chính sách			1.000	1.000							1.000	1.000		1.000	1.000		
9	Kinh phí hỗ trợ các công trình thiết yếu đảm bảo tiêu chí về đích nông thôn mới (xã Các Sơn và xã Thanh Sơn)	UBND xã			3.500	3.500							3.500	3.500		3.500	3.500		
10	Hỗ trợ kinh phí xây dựng chợ, cửa hàng an toàn thực phẩm và thưởng các xã đạt chuẩn an toàn thực phẩm	UBND xã			1.000	1.000							1.000	1.000		1.000	1.000		
B	DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ				15.000	15.000							15.000	15.000		15.000	15.000		